

Ngày 31/12/2024	21,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.9%	-1.4%	-13.6%

2024	
ROE	11.7%
	+/- YoY ▲ 1.0%

Q4/24	
DT thuần	604
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 208 ▼ 25.6%
	YoY ▲ 55.0 ▲ 10.1%

2024	
DT thuần	3,466
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 26.0 ▲ 0.7%

Q4/24	
LN gộp	173
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 48.0 ▲ 38.8%
	YoY ▼ 18.0 ▼ 9.2%

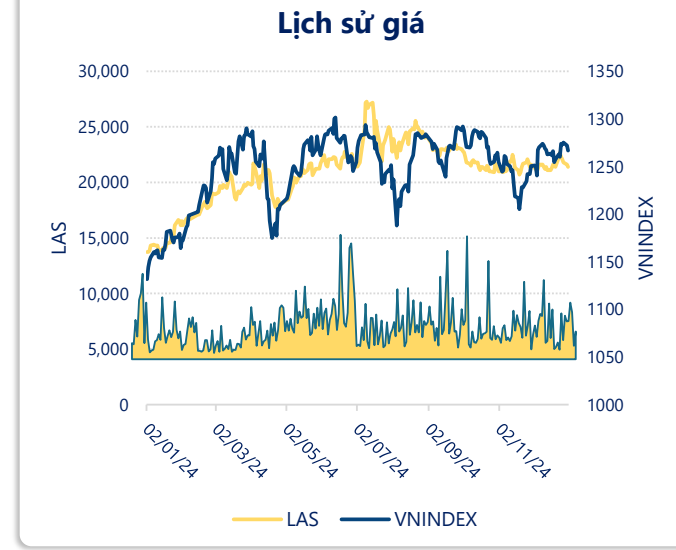
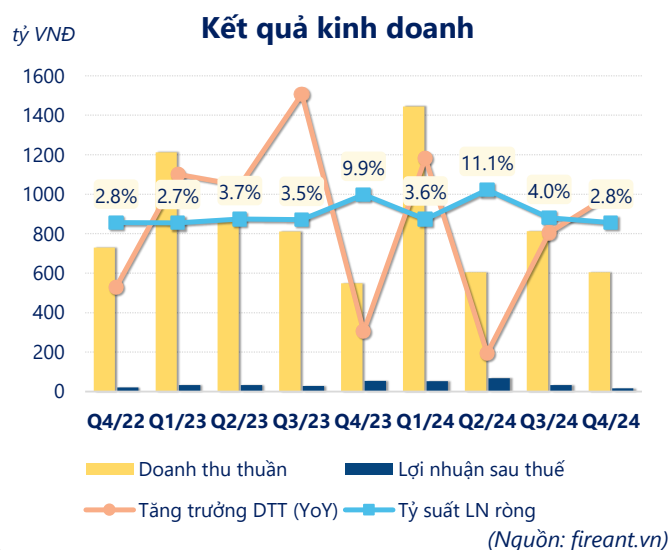
2024	
LN gộp	638
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 81.0 ▲ 14.6%

Q4/24	
LN thuần	37.2
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 2.80 ▼ 7.1%
	YoY ▼ 28.2 ▼ 43.2%

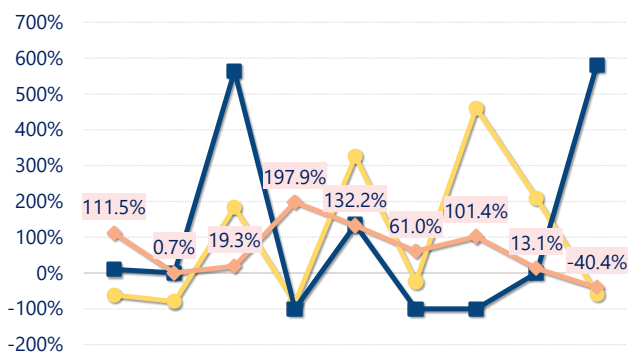
2024	
LN thuần	219
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 38.0 ▲ 21.1%

Q4/24	
LN sau thuế	17.1
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 15.6 ▼ 47.8%
	YoY ▼ 37.2 ▼ 68.5%

2024	
LN sau thuế	169
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 20.0 ▲ 13.6%



Tăng trưởng lợi nhuận

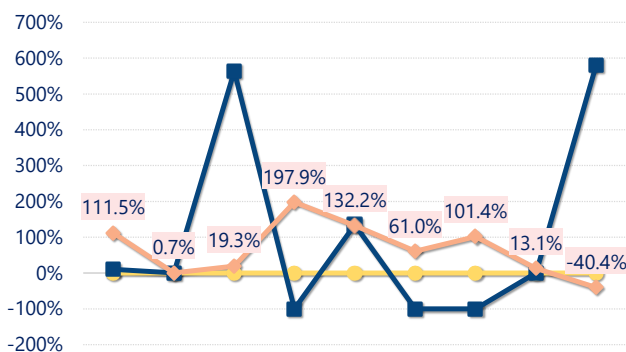


Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

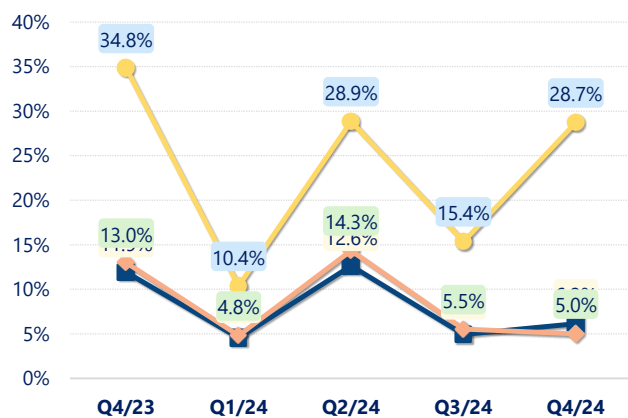


Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

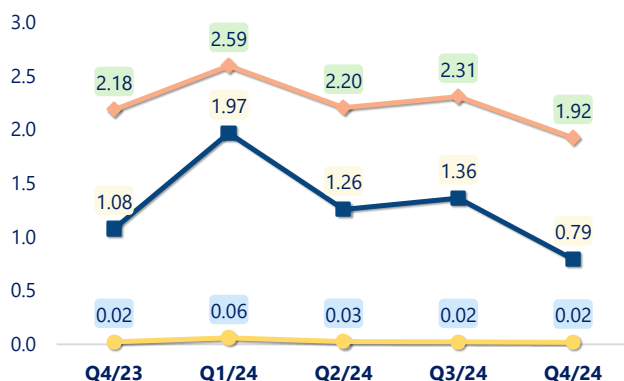


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

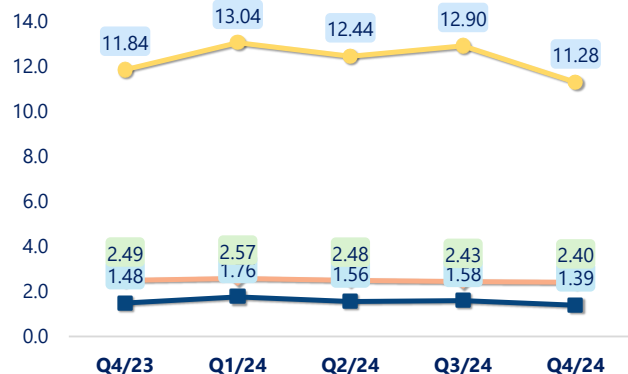


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

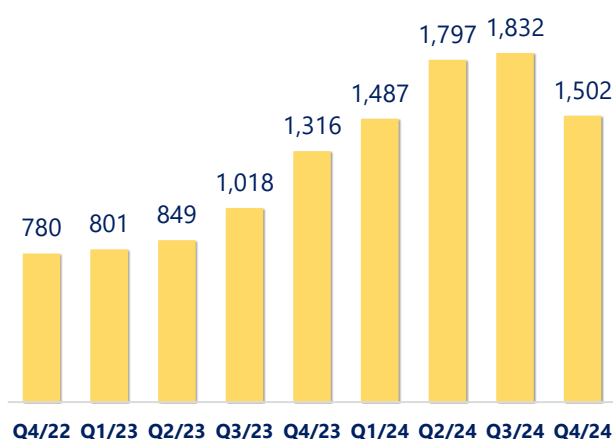


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	604	549	10.1%	3,466	3,440	0.7%
Giá vốn hàng bán	431	358	20.3%	2,827	2,883	-1.9%
Lợi nhuận gộp	173	191	-9.2%	638	557	14.6%
Doanh thu HĐTC	11.5	10.9	5.5%	31.7	14.4	120%
Chi phí TC	6.45	3.84	68.0%	17.6	20.4	-13.7%
Chi phí lãi vay	4.92	3.11	58.1%	15.1	17.4	-13.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	64.2	50.6	26.9%	187	160	16.9%
Chi phí QLDN	77.1	82.3	-6.3%	247	210	17.2%
LN thuần từ HĐKD	37.2	65.4	-43.2%	219	181	21.1%
Lợi nhuận khác	-11.8	2.77	-526%	-3.10	5.27	-159%
LN trước thuế	25.4	68.2	-62.8%	216	186	16.0%
Lợi nhuận sau thuế	17.1	54.3	-68.5%	169	149	13.6%
LNST của CĐ cty mẹ	17.1	54.3	-68.5%	169	149	13.6%

(Nguồn: fireant.vn)

